

## GRAMMAR 6: PAST SIMPLE TENSE ( THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN)

### 1. Thì quá khứ đơn là gì?

Thì quá khứ đơn (Past Simple Tense) diễn tả **hành động bắt đầu và kết thúc trong quá khứ và không còn liên quan tới hiện tại**.

Thì quá khứ đơn có thể sử dụng với trạng từ thời gian xảy ra trong quá khứ (ví dụ: I walked to the market last Saturday) hoặc tại một thời điểm xác định (ví dụ: I studied today).

### 2. Cấu trúc thì quá khứ đơn như thế nào?

#### 2.1. Cấu trúc thì quá khứ đơn với **động từ “TO BE” (was/were)**

##### **Thể khẳng định: S + was/were + ...**

Ví dụ: They were friends. (Họ từng làm bạn)

**Lưu ý:**

I/She/He/It + was

We/You/They + were

##### **Thể phủ định: S + was not/were not + ...**

Ví dụ: They weren't friends. (Họ không phải là bạn bè)

**Lưu ý:**

Was not = Wasn't

Were not = Weren't

##### **Thể nghi vấn: Was/Were + S + ...?**

Ví dụ: Were they friends? (Họ có phải bạn bè không?)

#### 2.2. Cấu trúc thì quá khứ đơn với **động từ thường**

**Lưu ý:** Động từ thường tiếng Anh ở quá khứ dưới viết dưới dạng V-ed. Tuy nhiên, có vài trăm động từ bất quy tắc với các dạng khác nhau.

##### **Thể khẳng định: S + V-ed/V2 + ...**

Ví dụ: She worked yesterday. (Cô ấy làm việc ngày hôm qua)

## Thể phủ định: **S + didn't + verb (in base form) + ...**

Lưu ý: didn't = did not

Ví dụ:

She didn't work yesterday. (Cô ấy không làm việc ngày hôm qua)

## Thể nghi vấn: **Did + S + verb (in base form)?**

Ví dụ: Did she work yesterday? (Cô ấy có làm việc ngày hôm qua không?)

### 2.3. Cách thêm -ed sau động từ

- Thông thường ta thêm "ed" vào sau động từ.

Ví dụ: watch – watched, turn – turned, want – wanted

- Động từ tận cùng là "e" -> ta chỉ cần cộng thêm "d".

Ví dụ: type – typed

smile – smiled

agree – agreed

- Động từ có **1 âm tiết**, tận cùng là **1 phụ âm**, trước phụ âm là **1 nguyên âm** -> ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm "-ed".

Ví dụ: stop – stopped

shop – shopped

tap – tapped

**Nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ:**

commit – committed

travel – travelled

prefer – preferred

- Động từ tận cùng là "y": Nếu trước "y" là **1 nguyên âm (a,e,i,o,u)** ta cộng thêm "ed".

Ví dụ: play – played

stay – stayed

Nếu trước “y” là phụ âm (còn lại ) ta đổi “y” thành “i + ed”.

Ví dụ: study – studied

cry – cried

- Một số động từ bất quy tắc không thêm “ed”.

Có một số động từ khi sử dụng ở thì quá khứ không theo quy tắc thêm “ed”.  
Những động từ này ta cần học thuộc.

Ví dụ: go – went/ get – got / see – saw/ buy – bought.

### **3. Hướng dẫn cách dùng thì quá khứ đơn**

**3.1. Thì quá khứ đơn diễn tả hành động *đã hoàn thành trong quá khứ, đã chấm dứt ở hiện tại***

Ví dụ: I saw a ghost last Friday.

(Tôi nhìn thấy con ma vào thứ Sáu tuần trước)

**3.2. Thì quá khứ đơn diễn tả *chuỗi hành động xảy ra trong quá khứ***

Ví dụ: I finished work, walked to the beach, and found a nice place to swim.

(Tôi đã làm xong việc, đi dạo trên biển và tìm thấy địa điểm đẹp để bơi)

**3.3. Thì quá khứ đơn diễn tả *thói quen trong quá khứ*.**

Ví dụ: When I was young, I watched lots of television every day after school.

(Khi tôi còn nhỏ, tôi xem TV mỗi ngày sau giờ học ở trường)

**3.4. Thì quá khứ đơn diễn tả *hành động xen vào một hành động đang xảy ra trong quá khứ***

Ví dụ: I saw Lana when I was walking in the park.

(Tôi đã thấy Lana khi tôi đang đi bộ trong công viên.)

Lưu ý: Trong trường hợp này, hành động đang xảy ra sẽ được chia ở thì quá khứ tiếp diễn, hành động xen vào chia ở thì quá khứ đơn.

**3.5. Thì quá khứ đơn dùng trong mệnh đề “IF” của câu điều kiện loại 2**

Ví dụ: If I were you, I would book a trip to Da Lat.

(Nếu tôi là bạn, tôi đã đặt một chuyến du lịch đến Đà Lạt)

### 3.6. *Thì quá khứ đơn dùng trong câu ước không có thật ở hiện tại*

Ví dụ: I wish I were at home now.

(Tôi ước giờ tôi đang ở nhà.)

### 3.7. *Thì quá khứ đơn dùng để nói về một sự kiện lịch sử*

Ví dụ: The light bulb was invented by Thomas Edison in 1879

(Bóng đèn điện được phát minh bởi Thomas Edison vào năm 1879)

## **4. Dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn**

Chúng ta có thể nhận biết thì Quá khứ đơn qua một số trạng từ chỉ thời gian dưới đây:

- **Yesterday** (ngày hôm qua)

Ví dụ: I watched this movie yesterday. (Tôi đã xem bộ phim này hôm qua)

- **Time + Ago:** **two years ago** (2 năm trước), **3 days ago** (3 ngày trước),  
...

Ví dụ: I moved to Ho Chi Minh City 2 years ago. (Tôi chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh 2 năm trước.)

- **Last + Time:** **Last night** (Tối qua) / **Last month** (Tháng trước) / **Last week** (Tuần trước) / **Last year** (Năm ngoái) ...

Ví dụ: Last month, I travelled to Thailand. (Tháng trước, tôi đã đi du lịch Thái Lan.)

- **Các mốc thời gian trong quá khứ:** In 2003, In 2007, in 2018, ...

Ví dụ: The buiding was built in 2018. (Tòa nhà được xây vào năm 2018.)

- **When (Khi):** thường dùng trong câu kể lại sự việc xảy ra trong quá khứ

Ví dụ: I used to play football with my childhood friends when I was small. (Tôi thường chơi bóng đá với đám bạn thuở nhỏ của tôi khi tôi còn nhỏ.)

- **In the past (trong quá khứ)**

Ví dụ: She was an excellent leader in the past. (Cô ấy là một lãnh đạo kiệt xuất trong quá khứ)

- **The day before (1 ngày trước)**

Ví dụ: The child disappeared the day before. (Đứa trẻ mất tích 1 ngày trước.)

- Đôi khi, chúng ta cũng dùng thì quá khứ đơn trong các câu có các trạng từ chỉ một phần thời gian đã qua trong ngày như: Today, this morning, this afternoon, ...

Ví dụ: I finished the report this morning. (Tôi đã hoàn thành báo cáo sáng nay.)

### Bài tập 1

Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống.

1. They \_\_\_\_\_ the bus yesterday.

A. don't catch      B. weren't catch

C. didn't catch      D. not catch

2. My sister \_\_\_\_\_ home late last night.

A. comes      B. come

C. came      D. was come

3. My father \_\_\_\_\_ tired when I \_\_\_\_\_ home.

A. was – got      B. is – get

C. was – getted      D. were – got

4. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ two days ago?

A. do – do      B. did – did

C. do – did      D. did – do

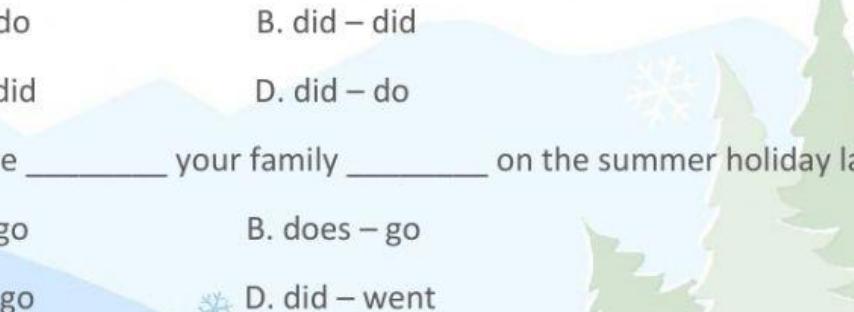
5. Where \_\_\_\_\_ your family \_\_\_\_\_ on the summer holiday last year?

A. do – go      B. does – go

C. did – go      D. did – went

6. Mozart \_\_\_\_\_ more than 600 pieces of music.

A. writes



- B. wrote
- C. writed
- D. was wrote

7. We \_\_\_\_\_ David in town a few days ago.

- A. did see
- B. was saw
- C. did saw
- D. saw

8. It was cold, so I \_\_\_\_\_ the window.

- A. shut
- B. was shut
- C. am shut
- D. shutted

9. I \_\_\_\_\_ to the cinema three times last week.

- A. was go
- B. went
- C. did go
- D. goed

10. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ last weekend?

- A. were / do
- B. did / did
- C. did / do
- D. do / did